

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **94/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-9-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 425/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Minh D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Cao Thị Minh D trình bày:

Bà Cao Thị Minh D và ông Nguyễn Minh C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 quyền số 01/2015, ngày 09/02/2015.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng càng về sau phát sinh càng nhiều mâu thuẫn do có nhiều khác biệt trong quan điểm sống, ông C

không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình mà thường xuyên đánh bạc. Hai vợ chồng đã không còn tình cảm và đã sống ly thân từ hơn một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần phải ly hôn để tạo điều kiện cho cả hai bắt đầu cuộc sống mới. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Cao Thị Minh D, Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Minh C nhưng ông C không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác. Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Cao Thị Minh D khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Minh C. Ông C có hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Minh C theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Bà Cao Thị Minh D và ông Nguyễn Minh C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày

09/02/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông C là hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà D cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do có nhiều khác biệt trong quan điểm sống, ông C không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình mà thường xuyên đánh bạc. Hai vợ chồng đã không còn tình cảm và đã sống ly thân từ hơn một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C không đến Tòa để làm việc cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Do đó xem như ông C từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà D và ông C đã thực sự không còn và ông C cũng không mong muốn hàn gắn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông C, bà D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Cao Thị Minh D phải nộp theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Minh D về việc tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Minh C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Minh D được ly hôn với ông Nguyễn Minh C.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01/2015 do UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày

09/02/2015 cho ông Nguyễn Minh C và bà Cao Thị Minh D không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Cao Thị Minh D phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0022109 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CC THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường H, Tp. T
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Võ Thị Thu Thảo